

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÓC MÔN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 234/2022/DS-ST.
Ngày: 04 - 5 - 2022
V/v tranh chấp hợp đồng
vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÓC MÔN, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Phụng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Văn Sơn.

2. Ông Phạm Văn Chính.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hà Kim Thông - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Hồ Thị Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 5 năm 2022 tại Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 522/2020/TLST-DS ngày 15 tháng 10 năm 2020 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2022/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 3 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 38/2022/QĐST-DS ngày 05 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần S.

Địa chỉ: số 266 - 268 đường N, phường 8, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh

Đại diện ủy quyền của nguyên đơn: Ông Thạch Ngọc P, sinh năm 1983 (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: 33 đường số 10, phường A, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Giấy ủy quyền số 163/2020/GUQ-CNĐBP ngày 10/6/2020).

Bị đơn: Ông Trần Sơn B, sinh năm 1992. (vắng mặt).

Địa chỉ: D21 ấp M, xã X, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 10/6/2020, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 16/9/2019 ông B có ký với Ngân hàng Thương mại cổ phần S giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng số 8168999 (bao gồm điều khoản và

điều kiện cấp thẻ). Ngân hàng Thương mại cổ phần S cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 40.000.000 đồng, mục đích là tiêu dùng cá nhân, loại thẻ VS payWave Cre Gold, số thẻ 472075-6172.

Sau khi được cấp thẻ tín dụng, ông B đã thực hiện giao dịch từ ngày 22/10/2019 đến ngày 22/12/2019 với tổng số tiền là 118.599.000 đồng.

Trong quá trình sử dụng thẻ, ông B đã thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S bao gồm vốn, lãi, phí là 80.810.000 đồng. Sau đó, ông B không tiếp tục trả nợ cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S; Ngân hàng Thương mại cổ phần S đã nhiều lần nhắc nhở. Do ông B vi phạm nghĩa vụ thanh toán trả nợ nên ngày 05/4/2020 Ngân hàng Thương mại cổ phần S đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn.

Do đó, Ngân hàng Thương mại cổ phần S khởi kiện yêu cầu ông B phải có nghĩa vụ trả ngay cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S số nợ còn thiếu tính đến ngày 04/5/2022 là 91.811.842 đồng, trong đó vốn gốc là 46.733.116 đồng, lãi quá hạn là 45.078.726 đồng

Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn đã niêm yết hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông B vắng mặt và phía nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn, nguyên đơn theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Xét giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng số 8168999 ngày 16/9/2019, xác định quan hệ tranh chấp là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quy định Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Xét đơn khởi kiện, bị đơn trong vụ án cư trú tại huyện Hóc Môn nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Xét yêu cầu của nguyên đơn:

Đại diện của nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S số nợ còn thiếu tính đến ngày 04/5/2022 là 91.811.842 đồng, trong đó vốn gốc là 46.733.116 đồng, lãi quá hạn là 45.078.726 đồng; đồng thời yêu cầu bị đơn phải tiếp tục trả lãi phát sinh theo mức lãi suất nợ quá hạn tại giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng số 8168999 ngày 16/9/2019 từ ngày 05/5/2022 cho đến khi ông B trả hết nợ.

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Ngày 16/9/2019 ông B có ký với Ngân hàng Thương mại cổ phần S giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng số 8168999 (bao gồm điều khoản và

điều kiện cấp thẻ). Ngân hàng Thương mại cổ phần S cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 40.000.000 đồng, mục đích là tiêu dùng cá nhân, loại thẻ VS payWave Cre Gold, số thẻ 472075-6172.

Ông B đã thực hiện giao dịch từ ngày 22/10/2019 đến ngày 22/12/2019 với tổng số tiền là 118.599.000 đồng. Ông B đã thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S bao gồm vốn, lãi, phí là 80.810.000 đồng. Sau đó, ông B không tiếp tục trả nợ cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S. Tính đến ngày 04/5/2022 ông B còn nợ lại Ngân hàng số tiền là 91.811.842 đồng, trong đó vốn gốc là 46.733.116 đồng, lãi quá hạn là 45.078.726 đồng.

Xét thấy bị đơn đã vay tiền của nguyên đơn nhưng không trả số tiền đã vay là vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay quy định tại Điều 466 Bộ Luật dân sự năm 2015. Do đó, Hội đồng xét thấy yêu cầu này của nguyên đơn là có cơ sở nên chấp nhận.

Về yêu cầu bị đơn trả số tiền lãi: Nguyên đơn, bị đơn có thỏa thuận lãi suất tại giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng, điều khoản và điều kiện cấp thẻ. Do đó, nguyên đơn yêu cầu bị đơn có trách nhiệm thanh toán cho nguyên đơn số tiền lãi quá hạn là 45.078.726 đồng tính đến ngày 04/5/2022; đồng thời nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất quá hạn của giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng trên từ ngày 05/5/2022 cho đến khi bị đơn trả hết nợ. Căn cứ khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng, Hội đồng xét thấy yêu cầu của nguyên đơn số tiền lãi là phù hợp với quy định pháp luật nên có cơ sở chấp nhận.

[4] Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn đã tổng đạt, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn theo quy định pháp luật tố tụng nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do, không tham gia các buổi làm việc, không tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, không trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bị đơn đã từ bỏ quyền trình bày, cung cấp chứng cứ chứng minh để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình.

[5] Xét ý kiến của Viện kiểm sát tại phiên tòa cho rằng yêu cầu của phía nguyên đơn buộc bị đơn có nghĩa vụ thanh toán số tiền nợ gốc, lãi quá hạn là phù hợp với quy định của pháp luật nên có cơ sở chấp nhận. Ý kiến này của Viện kiểm sát phù hợp với nhận định trên của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[6] Án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn ông B phải chịu án phí tính trên số tiền phải trả cho nguyên đơn.

Hoàn lại cho nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần S số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần S: Buộc ông B có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S số tiền nợ là 91.811.842 đồng (chín mươi một triệu tám trăm mười một nghìn tám trăm bốn mươi hai) đồng, trong đó nợ gốc là 46.733.116 (bốn mươi sáu triệu bảy trăm ba mươi ba nghìn một trăm mười sáu) đồng, tiền lãi quá hạn là 45.078.726 (bốn mươi lăm triệu bảy mươi tám nghìn bảy trăm hai mươi sáu) đồng. Thi hành ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 05/5/2022) cho đến khi thi hành án xong, ông B còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền theo mức lãi suất các bên thỏa thuận tại giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng số 8168999 ngày 16/9/2019, điều khoản và điều kiện cấp thẻ nhưng phải phù hợp với quy định pháp luật.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông B chịu án phí dân sự sơ thẩm là 4.590.592 (bốn triệu năm trăm chín mươi nghìn năm trăm chín mươi hai) đồng. Nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

- Hoàn lại cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.233.637 (một triệu hai trăm ba mươi ba nghìn sáu trăm ba mươi bảy) đồng theo biên lai thu số AA/2019/0076459 ngày 15/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hóc Môn.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND huyện Hóc Môn;
- Chi cục THADS huyện Hóc Môn;
- Các đương sự;
- Lưu VP, HS.

Nguyễn Thị Kim Phụng